

Số: 04/QĐ-ĐHQB

Quảng Bình, ngày 25 tháng 5 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chuẩn năng lực ngoại ngữ  
và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với  
công chức, viên chức Trường Đại học Quảng Bình**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình ban hành theo Quyết định số 445/QĐ-ĐHQB ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ về quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Hành chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuẩn năng lực ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với công chức, viên chức Trường Đại học Quảng Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

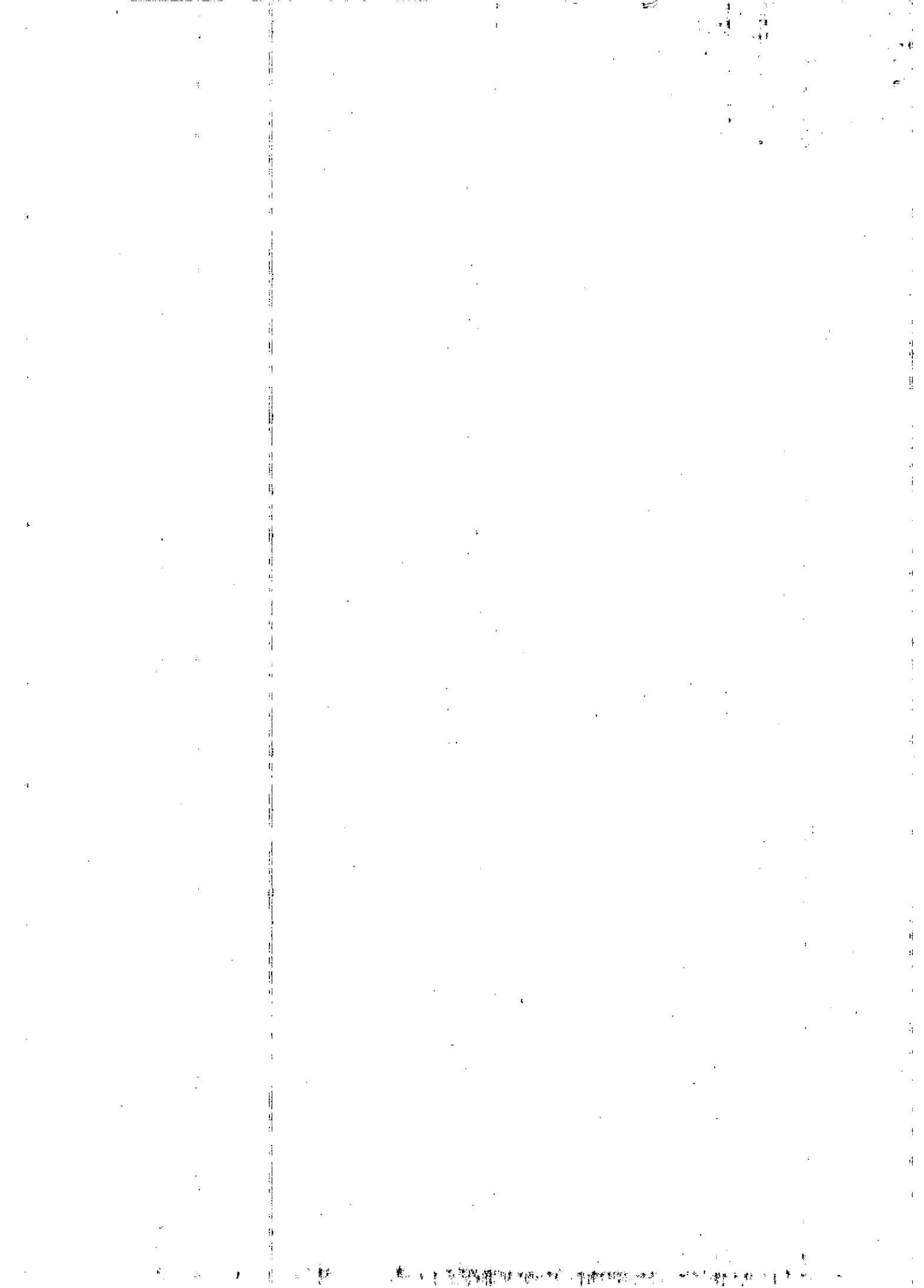
**Điều 3.** Trường phòng Tổ chức - Hành chính, Trường các đơn vị trực thuộc Trường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Website trường;
- Lưu: VT, TC.



**PGS.TS. Hoàng Dương Hùng**



## QUY ĐỊNH

**Chuẩn năng lực ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin  
đối với công chức, viên chức Trường Đại học Quảng Bình**  
(Kèm theo Quyết định số 904 /QĐ-ĐHQB ngày 25 tháng 5 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về chuẩn năng lực ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với công chức, viên chức Trường Đại học Quảng Bình làm căn cứ trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

#### Điều 2. Những căn cứ để xây dựng quy định

##### 1. Về ngoại ngữ

a) Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành;

b) Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC;

d) Công văn số 3577/BGDĐT-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

##### 2. Về công nghệ thông tin

a) Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Tin học ứng dụng A, B, C;

b) Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

c) Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 26 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

### **Điều 3. Quy định chung về chuẩn năng lực ngoại ngữ**

1. Chuẩn năng lực ngoại ngữ của công chức, viên chức được đánh giá theo 6 bậc của Việt Nam, hoặc theo khung tham chiếu chung của Châu Âu gồm: Bậc 1 (A1); Bậc 2 (A2); Bậc 3 (B1); Bậc 4 (B2); Bậc 5 (C1); Bậc 6 (C2) theo Phụ lục 1 của Quy định này.

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được công nhận năng lực ngoại ngữ tại Trường Đại học Quảng Bình bao gồm: IELTS, TOEIC, TOEFL PBT, TOEFL CBT, TOEFL IBT, Cambridge Tests và được quy đổi tương đương theo Phụ lục 2 của Quy định này.

3. Viên chức được đào tạo chuyên môn hoặc sử dụng ngôn ngữ trong đào tạo của các nước Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản được quy đổi tương đương theo Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5 và Phụ lục 6 của Quy định này.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CHUẨN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ VÀ KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

#### **Điều 4. Chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với giảng viên giảng dạy đại học**

1. Giảng viên giảng dạy chuyên ngành bậc đại học, đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Có trình độ ngoại ngữ C, hoặc tương đương (chứng chỉ môn ngoại ngữ sau đại học) trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) và tương đương trở lên;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

d) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài, hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

2. Giảng viên không chuyên ngữ giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành bậc đại học, phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học Ngôn ngữ Anh trở lên;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học bằng tiếng Anh ở nước ngoài, hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng Anh ở Việt Nam.

#### **Điều 5. Chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với giảng viên giảng dạy cao đẳng**

1. Đối với giảng viên giảng dạy chuyên ngành bậc cao đẳng, đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- a) Có trình độ ngoại ngữ B trở lên;
- b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) và tương đương trở lên;
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ;
- d) Có bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài, hoặc tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

2. Giảng viên không chuyên ngữ giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh bậc cao đẳng phải đạt yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quy định này.

#### **Điều 6. Chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với giảng viên chuyên ngữ**

Đối với giảng viên chuyên ngữ, trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt yêu cầu theo quy định tại Khoản 1 của Điều 4 Quy định này.

#### **Điều 7. Chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với viên chức hành chính**

Viên chức hành chính đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1. Có trình độ ngoại ngữ B trở lên, hoặc chứng chỉ môn học ngoại ngữ sau đại học.
2. Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) và tương đương trở lên.
3. Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ.
4. Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài, hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

#### **Điều 8: Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin**

Công chức, viên chức đạt kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1. Có trình độ Tin học B, hoặc tương đương (chứng chỉ môn Tin học sau đại học) trở lên.
2. Có trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên.
3. Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

#### **Điều 9. Quy định thời hạn chứng chỉ**

1. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ:
  - a) Công chức, viên chức trên 40 tuổi không quy định thời hạn của chứng chỉ ngoại ngữ;

b) Công chức, viên chức từ 40 tuổi trở xuống, quy định thời hạn của chứng chỉ là 05 năm kể từ ngày cấp.

2. Đối với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin:

a) Công chức, viên chức trên 40 tuổi không quy định thời hạn của chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

b) Công chức, viên chức từ 40 tuổi trở xuống, quy định thời hạn của chứng chỉ là 05 năm kể từ ngày cấp.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Trách nhiệm thi hành**

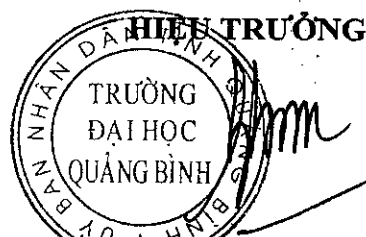
1. Người đứng đầu các đơn vị có trách nhiệm phổ biến Quy chế này đến toàn thể viên chức trong đơn vị để biết, thực hiện.

2. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính đơn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này; phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc thực hiện Quy chế này để báo cáo Hiệu trưởng.

3. Viên chức có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Quy chế này. Các trường hợp vi phạm Quy định, tùy theo mức độ sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật.

#### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề nảy sinh hoặc vướng mắc, chưa phù hợp đề nghị các đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Nhà trường (qua Phòng Tổ chức - Hành chính) để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.



**PGS.TS. Hoàng Dương Hùng**